

SỞ GD&ĐT TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DTNT
THCS & THPT ĐẮK MIL

Số 28/10/2026/KH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đức Lập, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH CHI HỌC BỔNG ÁP DỤNG TỪ 01/11/2026

A. NỘI DUNG

236

TT	NỘI DUNG	Số tiền/HS/ 1 tháng	Số tiền/toàn trường/tháng
I	THU	2.024.000	477.664.000
	Có 236 học sinh nộp tiền ăn	2.024.000	477.664.000
II	CHI (bằng 1+2+3+4)	2.018.208	476.297.108
1	Chi cho đồ dùng cá nhân, tiền ga cho toàn trường (phụ lục 1)	186.047	43.907.092
2	Chi tiền ăn 3 bữa (theo phụ lục 2)	1.691.356	399.160.036
3	Thuế 7.5% của mục 1, 2	140.805	33.229.980
4	Chi tiền mặt cho mỗi HS		
III	DỰ PHÒNG chuyển sang tháng sau (nếu còn)		1.366.892

B. THỰC HIỆN

TT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
1	Lập danh sách để học sinh nhận và nộp	Kế toán
2	Lập bảng chi tiết chi cho đồ dùng cá nhân, tiền ga cho toàn trường (Theo PL1)	Kế toán
3	Xây dựng dự kiến thực đơn, bảng giá mỗi ngày trong 01 tuần (theo PL2).	PHT: Ngô Thạch Anh
4	Lập thực đơn để niêm yết tại phòng ăn	PHT: Ngô Thạch Anh

Ghi chú: Kèm theo kế hoạch này là: PL1, PL2, PL gia vị.

Nơi nhận:

- Đăng trên website trường: (Báo cáo trước 02 ngày kể từ ngày thực hiện, để Hiệu trưởng kiểm tra trước khi đăng trên website trường), gồm: Kế hoạch chi học bổng; PL1; PL2; PL gia vị.
- Niem yết tại nhà ăn (Lãnh đạo PT nội trú điều hành) và kế toán lưu, gồm:
 - Như mục 1);
 - Thực đơn hàng ngày trong tuần.
- Thông báo cho nhà cung ứng trước 1 ngày (cô Hương).

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Tấn Đăng

Người lập

Kế toán: Nguyễn Thị Loan

PHỤ LỤC 1
CHI MUA ĐỒ DÙNG CÁ NHÂN VÀ GA NẤU ĂN
ĐỐI VỚI 01 HỌC SINH TRONG 1 THÁNG

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Đơn giá	SL	Thành tiền
1	Bột giặt gói nhỏ	gói	10.000	1	10.000
2	Kem đánh răng	hộp	20.000	1	20.000
3	Dầu gội cler chai nhỏ	chai	75.000	1	75.000
4	Giấy vệ sinh	Lốc	35.000	0.4	14.000
5	Nước rửa chén chai lớn	chai	25.000	0.12	3.000
6	Sunlight lau sàn	chai	35.000	0.12	4.200
7	Xà bông cục lifeboy	cục	15.000	0.12	1.800
8	Sữa tắm chai lớn	chai	80.000	0.12	9.600
9	Vim chai nhỏ	chai	25.000	0.12	3.000
10	Ga	kg	45.447	1	45.447
Tổng cộng					186.047

Ghi chú: Phát theo phòng ở (trong đó từ 4 đến mục 9 dùng chung)

Người lập



Kế toán: Nguyễn Thị Loan

PHỤ LỤC 2

DỰ KIẾN THỰC ĐƠN HÀNG NGÀY TRONG 1 TUẦN

ÁP DỤNG TỪ 01/11/2026

Thứ/ ngày	SÁNG				TRƯA					CHIỀU					THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Tên món	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG		
2	Bánh mì +sữa đặc	phần	236	15.000	1) Cơm	Gạo Đài thơm	kg	37	18.000	1) Cơm	Gạo Đài thơm	kg	37	18.000	13.157.000	
2	Sữa chua Vinamil	hộp	236	6.000	2) Gà chiên mắm	Thịt gà ta	kg	48	78.000	2) Cá biển	Cá nục bông	kg	23	60.000		
2										kho cà chua	Cà chua	kg	6	25.000		
2											Gia vị cá kho	gói	5	10.000		
2											Cá nư	kg				
2					3) Khoai tây +	Khoai tây	kg	8	22.000	3) Cải xào	Cải ngọt	kg	13	15.000		
2					Cà rốt luộc	Cà rốt	kg	5	20.000		Cải thìa	kg				
2						Thịt xay	kg	1	130.000		Cải thảo	kg				
2					4) Canh tạp tàng	Mướp	kg	3	18.000	4) Canh bí xanh	Bí xanh	kg	8	20.000		
2						Rau dền	kg	2	15.000		Thịt xay	kg	1	130.000		
2						Mồng toi	kg	2	15.000							
2						Gỏi gia vị	gói	1	270.000		Gỏi gia vị	gói	1	270.000		
3	Bánh mì thịt	Cái	236	15.000	1) Cơm	Gạo Đài thơm	kg	37	18.000	1) Cơm	Gạo Đài thơm	kg	37	18.000	13.963.500	
3					2) Bò kho gừng	Thịt bò đùi	kg	20	250.000	2) Thịt heo nhồi đậu khuôn	Thịt xay	kg	12	130.000		
3										sốt cà chua	Đậu khuôn	miếng	120	3.500		
3											Cà chua	kg	6	25.000		
3																
3					3) súp lơ luộc	Súp lơ	kg	14	45.000	3) Đậu ve xào	Đậu ve	kg	10	25.000		
3							kg									
3							kg									
3					4) Canh bí đỏ	Bí đỏ	kg	8	18.000	4) Canh cà chua trứng	Cà chua	kg	5	25.000		
3						Thịt xay	kg	1	130.000		Đậu khuôn trắng	miếng	15	3.500		
3											Trứng gà	quả	30	3.000		
3						Gỏi gia vị	gói	1	270.000		Gỏi gia vị	gói	1	270.000		
4	Bánh ướt	Phần	236	15.000	1) Cơm	Gạo Đài thơm	kg	37	18.000	1) Cơm	Gạo Đài thơm	kg	37	18.000	14.029.000	
4	Sữa famy đậu nành	Hộp	236	6.000	2) Thịt gà kho	Thịt gà ta	kg	42	78.000	2) Chả lụa	Chả lụa	kg	10	140.000		
4										và Thịt heo luộc	Thịt ba chỉ	kg	5	140.000		
4											Thịt heo nạc	kg	7	130.000		
4																
4					3) Cải xào	Cải ngọt	kg	13	15.000	3) Su su xào/	Su su	kg	10	15.000		
4						Cải thảo	kg			cà tím xào	Cà rốt	kg	3	20.000		
4						Thịt xay	kg	1	130.000		Cà tím	kg				

Thứ/ ngày	SÁNG				TRƯA					CHIỀU					THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Tên món	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG		
4					4) Canh Mồng toi	Mồng toi	kg	6	15.000	4) Canh bí xanh	Bí xanh	kg	8	20.000		
4											Thịt xay	kg	1	130.000		
4																
4						Gỏi gia vị	gỏi	1	270.000		Gỏi gia vị	gỏi	1	270.000		
5	Bún thịt nướng	Phần	236	30.000	1) Cơm	Gạo Đài thom	kg	37	18.000	1) Cơm	Gạo Đài thom	kg	37	18.000	16.192.000	
5					2) Gà luộc	Thịt gà ta	kg	42	78.000	2) Cốt lết sốt mắm ớt	Thịt cốt lết	kg	24	130.000		
5																
5																
5																
5					3) Cải thảo/su su xào	Cải thảo	kg	13	20.000	3) Rau muống xào	Rau muống	kg	10	17.000		
5						Su su	kg				Cà rốt	kg				
5										hoặc Su hào xào	Su hào	kg				
5					4) Canh Chua	Cà chua	kg	2	25.000	4) Canh quả bầu	Quả bầu	kg	8	20.000		
5						Giá đậu	kg	2	13.000		Thịt xay	kg	1	130.000		
5						Bạc hà	kg	3	16.000							
5						Gỏi gia vị	gỏi	1	270.000		Gỏi gia vị	gỏi	1	270.000		
6	Bánh ướt	Phần	236	15.000	1) Cơm	Gạo Đài thom	kg	37	18.000	1) Cơm	Gạo Đài thom	kg	37	18.000	12.065.000	
6					2) Cá diêu hồng chiên	Cá diêu hồng	kg	40	70.000	2) Thịt heo +	Thịt ba chỉ	kg	5	140.000		
6					/kho mặn ngọt					Chả lụa kho	Thịt heo nạc	kg	7	130.000		
6											Chả lụa	kg	10	140.000		
6																
6					3) Cà xào/ cải xào	Cà tím	kg	10	18.000	3) Giá xào	Giá đậu	kg	13	13.000		
6						cải ngọt	kg				Măng	kg				
6						Thịt xay	kg	1	130.000							
6					4) Canh Cải	cải ngọt	kg	6	15.000	4) Canh bí đỏ	Bí đỏ	kg	8	18.000		
6						Cải thảo	kg				Thịt xay	kg	1	130.000		
6																
6						Gỏi gia vị	gỏi	1	270.000		Gỏi gia vị	gỏi	1	270.000		
7	Bún rêu thịt	Tô	236	15.000	1) Cơm	Gạo Đài thom	kg	37	18.000	1) Cơm	Gạo Đài thom	kg	37	18.000	12.707.000	
7					2) Tôm sốt mặn ngọt	Tôm to	kg	20	180.000	2) Chả ram tôm thịt +	Chả ram tôm thịt	kg	13	160.000		
7						Gia vị cá kho	gỏi	4	10.000	Đậu khuôn chiên	Đậu khuôn	miếng	120	3.500		
7						Cá lóc	kg									
7						Cá rô phi	kg									
7					3) Cải ngọt xào	Cải ngọt	kg	13	15.000	3) Súp lơ luộc	Súp lơ	kg	10	45.000		

Thứ/ ngày	SÁNG				TRƯA					CHIỀU					THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
	Tên món	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG	Món	Thực phẩm	ĐV	SL	ĐG		
7																
7											Thịt xay	kg	1	130.000		
7					4) Canh quả bầu	Quả bầu	kg	8	20.000	5) Canh rau dền	Rau dền	kg	6	15.000		
7						Thịt xay	kg	1	130.000	/canh mồng tơi	Mồng tơi	kg				
7																
7						Gói gia vị	gói	1	270.000		Gói gia vị	gói	1	270.000		
CN	Bánh mì ngọt + sữa	Phần	236	15.000	1) Cơm	Gạo Đài thom	kg	37	18.000	1) Cơm	Gạo Đài thom	kg	37	18.000	9.497.000	
CN					2) Trứng gà chiên	Trứng gà	quả	350	3.000	2) Thịt heo kho đậu khuôn	Thịt heo nạc	kg	13	130.000		
CN						Hành lá	kg	1	35.000		Đậu khuôn	miếng	120	3.500		
CN																
CN					3) Giá đậu xào	Giá đậu	kg	10	13.000							
CN										3) Đậu ve luộc/xào	Đậu ve	kg	10	25.000		
CN																
CN					4) Canh cải ngọt	Cải ngọt	kg	6	15.000	4) Canh quả bầu	Quả bầu	kg	8	20.000		
CN						Thịt xay	kg	1	130.000		Thịt xay	kg	1	130.000		
CN																
CN						Gói gia vị	gói	1	270.000		Gói gia vị	gói	1	270.000		
					Tổng cộng 1 tuần/toàn trường										91.610.500	
					Tổng cộng 1 ngày/toàn trường										13.087.214	
					Tổng cộng 1 tháng/toàn trường										399.160.036	

Ghi chú: Do nguyên nhân khách quan mà bên B muốn thay thế 1 số thực phẩm tại ngày nào đó thì phải thông báo đến bên A (thông qua Kế toán) và được bên A thống nhất.
(trong đó thực phẩm thay đổi có số lượng và tổng số tiền không thay đổi nhiều)

Người lập
Lê Thị Thu Hương

Duyệt của lãnh đạo phụ trách
Phó hiệu trưởng: Ngô Thạch Anh

PHỤ LỤC GIA VỊ CHI CHO TOÀN TRƯỜNG TRONG 1 NGÀY

(Làm rõ thêm phụ lục lục 2 của kế hoạch chi học bổng)

STT	Tên thực phẩm	Đơn vị	Đơn giá	SL/ngày	Thành tiền
1	Dầu ăn mezan	chai	50.000	3	150.000
2	Nước mắm đệ nhị	chai	20.000	4.5	90.000
3	Muối iốt	gói	5.000	0.8	4.000
4	Bột ngọt ajinomoto 1kg	gói	60.000	0.7	42.000
5	Hạt nêm gói 1kg	gói	55.000	0.9	49.500
6	Màu kho cá	Lọ	5.000	1.1	5.500
7	Satế	Lọ	10.000	1.3	13.000
8	Đường sạch Nasu 1kg	Gói	27.000	1.2	32.400
9	Gia vị tươi sống	kg	42.000	3.5	147.000
10	Tiêu xay	kg	150.000	0.05	7.500
	Tổng cộng/ngày				540.900
	Tổng cộng/bữa ăn				270.000

Người lập



Kế toán: Nguyễn Thị Loan